

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đơn giá nước sạch do Công ty Cổ phần
Cấp thoát nước Quảng Nam cung cấp trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 300/TTr-STC ngày 29/6/2022 và thống nhất của Thường trực Tỉnh uỷ tại Công văn số 1232-CV/TU ngày 13/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam cung cấp trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hội An, thành phố Tam Kỳ, thị xã Điện Bàn và các huyện: Phú Ninh, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành:

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Năm thứ nhất (đ/m³)	Năm thứ hai (đ/m³)	Năm thứ ba (đ/m³)
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m ³ đầu tiên	6.167	6.967	7.734
	- Từ trên 10m ³ - 20m ³	7.709	8.709	9.667
	- Từ trên 20m ³ - 30m ³	9.251	10.451	11.600
	- Trên 30m ³	10.793	12.193	13.534
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng	9.251	10.451	11.600

Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	10.793	12.193	13.534
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	13.105	14.805	16.434

2. Giá nước sạch trên địa bàn các huyện: Nam Giang, Phước Sơn:

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Năm thứ nhất (đ/m ³)	Năm thứ hai (đ/m ³)	Năm thứ ba (đ/m ³)
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m ³ đầu tiên	4.934	5.574	6.187
	- Từ trên 10m ³ - 20m ³	6.168	6.968	7.734
	- Từ trên 20m ³ - 30m ³	7.402	8.362	9.281
	- Trên 30m ³	8.635	9.755	10.828
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng	7.402	8.362	9.281
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	8.635	9.755	10.828
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	10.486	11.846	13.148

*** Thời gian áp dụng:**

- Năm thứ nhất: Kể từ kỳ thu tiền tháng 10/2022.

- Năm thứ hai: Kể từ kỳ thu tiền tháng 10/2023.

- Năm thứ ba: Kể từ kỳ thu tiền tháng 10/2024.

*** Ghi chú:**

Giá nước nêu trên đã bao gồm thuế tài nguyên nước; chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường, phí dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam:

a) Đảm bảo chất lượng nước sạch và dịch vụ cung cấp nước sạch; khai thác tối đa công suất nhà máy, có biện pháp chống thất thoát nước và tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình sử dụng nước sạch.

b) Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về mức giá được thu; thu đủ, thu đúng tiền sử dụng nước theo từng đối tượng .

c) Tổ chức thu, nộp các loại thuế, phí và quản lý thu, chi theo đúng quy định hiện hành.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có tên tại điều 1; các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam thu tiền sử dụng nước và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Phước Sơn, Nam Giang, Phú Ninh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các PCVP và phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Quang